

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Tuấn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyền.

2. Ông Hoàng Văn Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2024/TLST - HNGĐ ngày 15/5/2024 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị H – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao; Văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Tự do. (Có mặt)

* **Bị đơn:** Anh Bàn Phúc V – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao.

Hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam T, Bộ C.

(Vắng mặt – có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Đặng Thị H trình bày:

Chị khởi kiện anh Bàn Phúc V - Địa chỉ: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên khởi kiện lý do xin ly hôn.

Chị và anh Bàn Phúc V lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: Không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh **V** có quan hệ với người phụ nữ khác, anh **Văn h** đang đi thi hành án phạt tù về hành vi giao cấu với người từ 13 đến dưới 16 tuổi tại Phân trại số 3 **Trại giam T, Bộ C**, vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh **V**.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn anh Bàn Phúc V**, theo biên bản lấy lời khai anh **V** trình bày: Anh bị chị **Đặng Thị H**, địa chỉ: **Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên** khởi kiện xin ly hôn.

Anh và chị **Đặng Thị H** lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2004 tại **UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên**.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau một thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn. Anh bị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai xử phạt về hành vi giao cấu với người từ đủ từ 13 đến dưới 16 tuổi, hiện nay đang đi thi hành án tại Phân trại số 3 **Trại giam T, Bộ C**, vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay.

Nay chị **H** xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng tại Tòa án anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và giao Bản án cho anh theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; Các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị H**, yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Bàn Phúc V**.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị **Đặng Thị H** được ly hôn anh **Bàn Phúc V**.

- Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, về việc ly hôn giữa chị **Đặng Thị H** và anh **Bàn Phúc V**.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị **Đặng Thị H** khởi kiện anh **Bàn Phúc V** nên chị **Đặng Thị H** là nguyên đơn, anh **Bàn Phúc V** là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị **H**: Chị **H** và anh **V** lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn với nhau năm 2004 tại **UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên**.

Về nguyên nhân ly hôn:

Theo chị **H**, vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh **V** có quan hệ với người phụ nữ khác, anh **Văn h** đang đi thi hành án phạt tù về hành vi giao cấu với người từ 13 đến dưới 16 tuổi tại Phân trại số 3 **Trại giam T, Bộ C**, vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay.

Theo anh **V**, vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau một thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn. Anh bị Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai xử phạt về hành vi giao cấu với người từ đủ từ 13 đến dưới 16 tuổi, hiện nay đang đi thi hành án tại Phân trại số 3 **Trại giam T, Bộ C**, vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay.

Theo biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn của Tòa án tại địa phương xác định anh **V** và chị **H** có mâu thuẫn phát sinh từ việc anh **V** có quan hệ với người phụ nữ khác đã bị xử lý hình sự và đang thi hành án phạt tù, anh chị đã ly thân một thời gian.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị **H** và anh **V** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H** đối với anh **V**.

[4] Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Chị **H** xác định không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **V** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết vấn đề này.

Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị **Đặng Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị **Đặng Thị H** được ly hôn anh **Bàn Phúc V.**

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

3.1. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

3.2. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đặng Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị **Đặng Thị H** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0006600 ngày 15 tháng 5 năm 2024.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- UBND xã Liên Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Tuấn